

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

THÁI ĐỘ VỀ MẶT NHẬN THỨC TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THANH VÂN*

TÓM TẮT: Bài viết là sự nhận diện yếu tố nhận thức của thái độ ngôn ngữ đối với tiếng Anh của 2000 sinh viên không chuyên ngữ thuộc khối ngành Kỹ thuật và Kinh tế của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM và Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM. Chúng tôi sử dụng bảng hỏi để thu thập dữ liệu. Kết quả khảo sát cho thấy, người học của cả hai khối ngành đều nhận thức được vai trò của tiếng Anh, nhận thức việc học tiếng Anh, nhận thức về chính sách tiếng Anh, nhận thức về thành quả và mục tiêu tiếng Anh trong tương lai.

TỪ KHÓA: yếu tố nhận thức; tiếng Anh; thái độ ngôn ngữ; học tiếng Anh; sinh viên không chuyên.

NHẬN BÀI: 05/03/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 08/06/2023

1. Đặt vấn đề

Dưới góc nhìn tâm lý - xã hội học, quá trình học tập là một quá trình thay đổi tích cực của cá nhân về mặt tình cảm, nhận thức cũng như hành vi. Khi học một ngôn ngữ, rõ ràng mỗi người học có cách suy nghĩ, niềm tin và hành xử khác nhau và mỗi một yếu tố sẽ có tác động khác nhau tới thụ đắc ngôn ngữ. Nhận thức là một trong ba yếu tố hình thành thái độ ngôn ngữ của người học. Mặt nhận thức của thái độ liên quan tới lối suy nghĩ và niềm tin của người học về tri thức mà họ nhận được và những hiểu biết trong suốt quá trình học. Thái độ về mặt nhận thức có thể được phân vào 4 nhóm: kết nối kiến thức cũ và mới, tạo tri thức mới, kiểm tra kiến thức mới và áp dụng kiến thức mới vào các tình huống khác nhau. Trong bài viết này, dựa trên kết quả khảo sát bằng bảng hỏi từ sinh viên không chuyên ngữ của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM (ĐHSPKT-TP.HCM) và Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM (CĐCT TP.HCM), chúng tôi tập trung phân tích yếu tố nhận thức tiếng Anh tác động tới việc thụ đắc ngôn ngữ của người học dựa trên kết quả khảo sát.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để tìm hiểu yếu tố nhận thức tiếng Anh của sinh viên không chuyên ngữ ở các trường đại học, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 2.000 sinh viên không chuyên từ năm thứ nhất đến năm thứ tư thuộc Trường ĐHSPKT TP.HCM và Trường CĐCT TP.HCM (khối kỹ thuật và kinh tế) với tỉ lệ % Nam/ Nữ là 46,9% / 53,1%; tỉ lệ khối ngành Kinh tế/ Kỹ thuật là 52,6% / 47,4%; tỉ lệ khu vực Nông thôn/ Thành thị là 69,3% / 30,7%; tỉ lệ Thời gian bắt đầu học tiếng Anh từ mẫu giáo/ tiểu học/ THCS/ THPT/ THCN/ĐH lần lượt là 0,7% / 32,9% / 64,1% / 1,8% / 0,5%.

Chúng tôi sử dụng công cụ điều tra xã hội học bằng bảng hỏi Anket - công cụ hiệu quả nhất để có được thông tin từ nhiều người (Brown và Rodgers, 2002). Cách thức này được thực hiện theo cách hỏi, trả lời các nội dung thuộc về yếu tố nhận thức tiếng Anh của người học. Bảng phỏng vấn dùng để khảo sát có câu trả lời được tổ chức theo thang độ Likert. Bảng hỏi gồm có hai phần: (i) Những yếu tố mang tính cảnh huống cá nhân và (ii) Nhận thức học tiếng Anh của sinh viên. Hoạt động khảo sát được chúng tôi hướng dẫn chi tiết và đưa ra những giải thích cần thiết cho sinh viên ngay tại lớp học. Chính việc này giúp chúng tôi có được những câu trả lời đầy đủ và chính xác nhất từ sinh viên.

Trong phần tiếp theo, chúng tôi sẽ trình bày kết quả phân tích định lượng các thông tin thu được từ phỏng vấn bằng bảng hỏi được cấu trúc hóa về nhận thức học tiếng Anh của sinh viên.

3. Đặc điểm nhận thức của sinh viên trong việc thụ đắc tiếng Anh

3.1. Nhận thức về vai trò của tiếng Anh

Nhìn chung, trong cảnh huống ngôn ngữ Việt Nam hiện tại, tiếng Anh đóng một vai trò to lớn không ai có thể phủ nhận được. Nhiều lứa tuổi, nhiều đối tượng khác nhau trong xã hội ý thức sâu sắc về tầm quan trọng của tiếng Anh khi sự ảnh hưởng của nó ngày càng thể hiện rõ ràng trong mọi khía cạnh đời sống. Cũng trong xu hướng ấy, thì tỉ lệ sinh viên đồng ý ở mức độ cao về sự cần thiết của

* TS; Trường Đại học Thủ Dầu Một; Email: thanhvan0915@gmail.com

tiếng Anh cũng là điều không bất ngờ. Mặc dù điều này là kết quả mang tính hiển nhiên có thể dự đoán được nhưng chúng tôi vẫn tiến hành hoạt động khảo sát nhằm có minh chứng rõ ràng và con số chính xác cho điều hiển nhiên đó. Theo kết quả khảo sát về quan điểm: “*Cuộc sống thực tế hiện nay không cần tiếng Anh*”, có tới 86,2% không đồng ý (trong đó 73,6% hoàn toàn không đồng ý) và 9,6% sinh viên đồng ý.

Khi xử lý dữ liệu phân chia theo hai khối ngành kinh tế và kỹ thuật thì tỉ lệ của cả hai về các mức độ cũng không có nhiều khác biệt. Kết quả nghiên cứu về mức độ đồng ý tiếng Anh không cần thiết trong cuộc sống chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ còn đa phần sinh viên dù thuộc chuyên ngành nào cũng nhận thức rõ tầm quan trọng của tiếng Anh trong đời sống học tập và nghề nghiệp tương lai. Có thể nói, chính nhu cầu của thực tiễn học tập trước mắt cũng như nghề nghiệp tương lai trong xu thế toàn cầu hóa với sự xích lại gần nhau và giao kết trên mọi lĩnh vực đời sống làm cho người học nhận thức được sự tinh thông thành thạo tiếng mẹ đẻ thôi là chưa đủ. Ngay cả cảnh huống ngôn ngữ và chính sách ngôn ngữ ở phạm vi quốc gia với sự hiện diện không thể thiếu của tiếng Anh trong chương trình học, các chính sách đặc biệt trong thi cử dành cho những người có thành quả tiếng Anh, cũng như quy định chuẩn tiếng Anh đầu ra cho sinh viên cũng đã thể hiện sự coi trọng vị trí của tiếng Anh.

Tiếng Anh là một phần quan trọng có giá trị cần phải tích lũy và cũng là ý thức về sự cần thiết để sinh viên có một nền tảng động cơ chắc chắn khi bước chân vào giảng đường đại học với những kì vọng nhằm thực hiện các mục tiêu cho tương lai. Sự cần thiết còn bắt nguồn từ thực tiễn học tập đời thường của chính các em khi những nguồn tài liệu giá trị nhất, hiện đại nhất, nóng hổi nhất là những nguồn tài liệu được diễn đạt bằng tiếng Anh. Một phần tạo nên giá trị của con người hiện đại với sự tự tin hòa nhập, đó là hình ảnh công dân toàn cầu với sự không thể thiếu năng lực tiếng Anh.

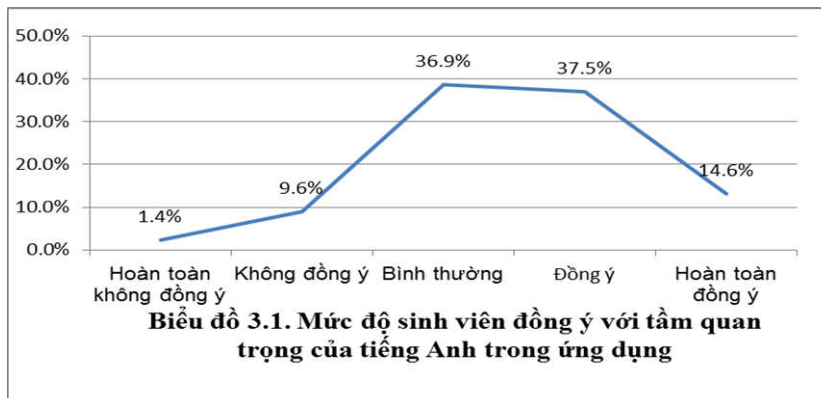
Cũng chính vì thừa nhận tiếng Anh cần thiết trong thực tiễn ngày nay nên tất yếu vai trò của tiếng Anh trong tương lai là điều mà nhóm đối tượng khảo sát thừa nhận với tỉ lệ nhất trí cao.

Tỉ lệ sinh viên cho rằng việc học tiếng Anh là cần thiết cho tương lai có sự tăng nhẹ về biên độ, 95,1% cho thấy sinh viên dự báo tiếng Anh tiếp tục giữ vị thế quan trọng và trong tương lai còn quan trọng hơn. Chỉ có một số rất ít 1,5% phản đối quan điểm “*Việc học tiếng Anh là cần thiết cho tương lai*”. Nguyên nhân của các lựa chọn này có một phần liên quan tới việc bản thân tự xác lập mục tiêu nghề nghiệp trong tương lai. Nhận thức rõ điều này giúp sinh viên hiểu đúng đắn vai trò của môn học và có tâm thế chuẩn bị cho việc học để đạt được những thành quả trong tương lai.

Ở các nước coi tiếng Anh như một ngôn ngữ ngoại nhập và hướng tới việc sử dụng nó như một ngôn ngữ thứ hai, tiếng Anh được nhận thức không chỉ là ngoại ngữ đơn thuần mà còn là công cụ, phương tiện, cầu nối tri thức. Tri thức nhân loại đang ngày càng gắn kết và giao thoa như bình thông nhau trong đó tiếng Anh đóng vai trò đường dẫn. 62,7% đồng ý với quan điểm “*Môn tiếng Anh có nội dung bao hàm nhiều lĩnh vực*”. Nhận thức về nội dung này rất quan trọng vì nó giúp những người không yêu thích ngoại ngữ cũng có thể có động lực và thái độ tích cực trong việc học ngoại ngữ khi họ tìm thấy sự hữu ích của các tri thức được gặt hái thông qua việc học, kích thích sự ham tìm hiểu, mở rộng hiểu biết về các vấn đề xã hội, gia tăng gắn kết với chuyên môn để làm việc trong các môi trường quốc tế.

Chính quan điểm “*Môn tiếng Anh có nội dung bao hàm nhiều lĩnh vực*” là định hướng để người dạy thiết kế chương trình học cho phù hợp, hướng tới những nội dung mà sinh viên khối kỹ thuật và kinh tế quan tâm hay bổ trợ cho các kiến thức chuyên môn của họ. Việc gắn những tri thức mới trên các lĩnh vực văn hóa-xã hội hay kiến thức chuyên ngành sẽ là cách hiệu quả nhất để sinh viên nhận thức được việc học tiếng Anh cũng như bổ túc thêm những thông tin hữu ích cho hành trang nghề nghiệp tương lai của mình.

Những thông tin trong môn học tiếng Anh không chỉ là những thông tin để biết, để hiểu mà còn là để áp dụng.



Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên mong muốn được học tiếng Anh không chỉ đơn thuần như là học một ngoại ngữ, biết được những tri thức, mà còn kết nối và ứng dụng những thông tin bằng trực tiếp hay gián tiếp liên quan đến cuộc sống và học tập của sinh viên thông qua những nội dung từ môn học này. Nếu sau khi tốt nghiệp tiếng Anh được sử dụng chủ yếu cho những vấn đề liên quan tới hoạt động nghề nghiệp thì thực tế sử dụng tiếng Anh của sinh viên khi còn ngồi trên ghế giảng đường phong phú hơn nhiều: sử dụng cho giải trí, học tập, giao tiếp, tìm kiếm cơ hội học bổng và cả trong công việc bán thời gian... Chỉ có 11% sinh viên đưa ra quan điểm phủ nhận “*Mức độ áp dụng kiến thức từ môn tiếng Anh vào thực tế*”. Tỷ lệ này cũng cho thấy sinh viên vừa khẳng định lẫn kỳ vọng, mong muốn được lĩnh hội không chỉ các kỹ năng liên quan đến việc sử dụng một ngôn ngữ nào đó như một công cụ giao tiếp, tức thành thạo các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết mà còn trông chờ những nội dung được thể hiện bằng ngôn ngữ ấy phải là những nội dung có ích và giúp SV bồi đắp thêm lượng thông tin, kiến thức có giá trị trong đời sống cũng như trong hoạt động học tập để có thể ứng dụng những nội dung đó trong thực tế.

Từ kết quả này đòi hỏi người giảng dạy và hệ thống giáo trình cần được thiết kế theo hướng nội dung chuyên biệt cho nhóm đối tượng chuyên biệt để sinh viên không cảm thấy nhàm chán, đơn điệu hay xa với thực tiễn. Được tìm hiểu những gì thú vị, bổ ích thông qua việc học cũng là một cách thức giúp thúc đẩy thái độ học tập tích cực của sinh viên giúp sinh viên có được sự hứng khởi khi rèn luyện các kỹ năng ngoại ngữ. Lúc này, hoạt động học ngoại ngữ không còn đơn thuần là học một ngôn ngữ mới mà là sự góp nhặt thêm những tri thức cần thiết của đời sống thông qua chính phương tiện ngoại ngữ đó.

3.2. Nhận thức về việc học tiếng Anh

Để việc học tiếng Anh được hiệu quả, việc sinh viên nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của tiếng Anh chưa đủ mà còn cần tới cả sự nhận thức đúng đắn về hoạt động học tiếng Anh. Đây không phải là môn học thiên về đòi hỏi trí thông minh, hay chính xác tuyệt đối hóa cũng như sự mơ mộng, triết lý..., cũng không phải là môn học có thể đạt được ngay thành quả trong một sớm một chiều, hay tự mình có thể nghiên cứu, lĩnh hội được. Đó là môn học mang tính kết nối mà người học chỉ có thể tự mình tích lũy những kiến thức mang tính tiềm năng còn khả năng sử dụng lại hướng ra bên ngoài trong các hoạt động liên nhân, liên nhóm. Nếu nhận thức sai lầm về việc học tiếng Anh, cho rằng nó quá dễ chẳng hạn, thì người học sẽ nảy sinh thái độ chủ quan, ỷ lại, thậm chí coi thường, hay cho rằng những rào cản ngữ âm, rào cản tâm lý hay sự mù mờ về tính ứng dụng của nó sau khi tốt nghiệp có thể biến môn học này thành một môn quá khó khăn và xa vời, dễ khiến người học nản chí. Vì vậy, việc tìm hiểu đặc điểm nhận thức về hoạt động học tập là cơ sở để người giảng dạy điều chỉnh các yếu tố liên quan trong hoạt động giảng dạy của mình.

Sinh viên tiếp xúc với tiếng Anh rất lâu, theo kết quả khảo sát thì tuyệt đại đa số (97,4%) tiếp xúc với tiếng Anh từ THCS hoặc sớm hơn, tức thời gian làm quen với tiếng Anh cho đến thời điểm khảo sát của các đối tượng ít nhất là 8-9 năm trở lên, nhưng kết quả tiếng Anh đạt được ngược lại rất thấp (79,8% chưa có kết quả). Con số này thể hiện không ít người học đã bỏ phí thời gian vào hoạt động

học tập mà không mang lại kết quả hữu ích cho họ. Chẳng hạn, họ ngại nói, ngại nghe, ngại thực hành và bị ảnh hưởng quá sâu sắc bởi tiếng mẹ đẻ...

Nhận thức về việc học tiếng Anh có sự liên quan chặt chẽ tới nhận thức về tiếng Anh của sinh viên thể hiện ở chỗ nhận thức đúng về ngôn ngữ mình sẽ học sẽ giúp cho người học xác lập được đúng đắn mục tiêu và tiến trình học tập. Theo như kết quả khảo sát chúng tôi thu được, có tới 71,5% số sinh viên được khảo sát quan tâm tới việc tiếng Anh đúng chuẩn Anh-Anh hay Anh-Mỹ.

Sinh viên có sự phân biệt rõ ràng về hai kiểu chuẩn mực ngữ âm là chuẩn Anh-Anh hay chuẩn Anh-Mỹ vì quá chú tâm đến yếu tố lí thuyết của chuẩn ngữ âm trong khi sự khác nhau của chúng là không đáng kể, việc sử dụng theo chuẩn này hoàn toàn không lệch mã giao tiếp với chuẩn còn lại. Quá chú tâm vào cái tiêu tiết sẽ làm người học đi quá sâu vào phần lí thuyết ngôn ngữ, thiếu tính linh động, kết nối ngôn ngữ và các yếu tố khác có khả năng biểu đạt khác, phức tạp hóa đi những điều cần bản. Ngôn ngữ là sinh ngữ, dù đó là chuẩn nào thì cái hướng tới vẫn là người ta hiểu được mã chung khi trao đổi thông tin, người ta phải sử dụng được ngôn ngữ ấy không phải chính xác theo một chuẩn trong từng từ, từng âm tiết mà là phải tự nhiên, chuyên tài được những gì tư tưởng muốn thể hiện.

3.3. Nhận thức về chính sách tiếng Anh

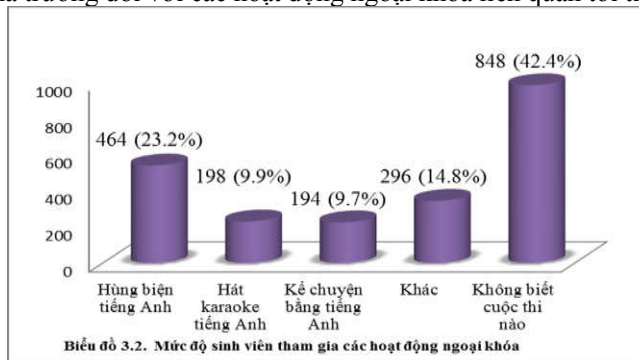
Chính sách ngôn ngữ là thuật ngữ có thể hiểu ở nhiều phạm vi khác nhau, miễn nó phải có nội hàm vốn có của mình là hệ thống biện pháp nhằm tác động một cách có ý thức để điều chỉnh mặt chức năng của ngôn ngữ và thông qua đó tác động đến cấu trúc ngôn ngữ ở một chừng mực nhất định... Do đó, không chỉ ở phạm vi quốc gia, mà ở những phạm vi nhỏ hơn chịu sự điều chỉnh của chính sách ngôn ngữ quốc gia, thì bản thân nhà trường, cũng như người giảng dạy, hoàn toàn có thể chủ động xây dựng chính sách ngôn ngữ phù hợp cho hoạt động đào tạo và mục tiêu tương lai của mình.

Việc nhận thức đầy đủ và rõ ràng về chính sách tiếng Anh tại một không gian xác định cũng là một trong những thước đo phản ánh thái độ của người học đối với ngôn ngữ vì chỉ khi người ta có thái độ tích cực đối với ngôn ngữ đó thì họ mới nhận thấy nhu cầu tìm hiểu về chính sách và nắm bắt chính xác chính sách để định hình cho mục tiêu ngôn ngữ tương lai của họ. Đồng thời do chính sách tiếng Anh có vai trò tác động điều chỉnh mặt chức năng của ngôn ngữ đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách theo phạm vi hẹp (phạm vi nhà trường) cần có sự xây dựng thỏa đáng các chính sách giáo dục có liên quan tới tiếng Anh để người học nhận thức đầy đủ hơn về vai trò của tiếng Anh trong tương lai.

Điều đáng mừng là đa số sinh viên biết rõ quy định tiếng Anh của nhà trường khi có tới 86,2% biết về quy định chuẩn đầu ra tiếng Anh của nhà trường. Tỷ lệ cao này xuất phát một phần từ nhu cầu và nhiệm vụ của người học phải nắm vững các quy định, yêu cầu về chất lượng học tập tại nơi mình đang theo học, cụ thể, nắm vững quy định tiếng Anh vì phải nắm vững các điều kiện để được tốt nghiệp, phải nắm vững các tiêu chí để xếp hạng phân loại kết quả học tập. Chỉ có 13,8% sinh viên không biết quy định chuẩn đầu ra. Đây là con số nhỏ nhưng đòi hỏi các nhà hoạch định giáo dục, các bộ phận đào tạo tiếng Anh trong nhà trường cũng phải hết sức cần lưu tâm tới. Vì với một môn học đóng vai trò là kĩ năng quan trọng trong hiện tại và dần trở thành kĩ năng cơ bản trong tương lai, đóng vai trò là một trong những tiêu chí xét tốt nghiệp mà sinh viên vẫn còn mù mờ về quy định chuẩn đầu ra tiếng Anh thì điều này cũng rất đáng lo ngại. Qua đây, nhà trường cũng có cơ hội để lên phương án kiểm tra lại tính phổ biến trong nội dung quy định tiếng Anh tại trường đã thực sự tới tận tay từng sinh viên hay không. Nếu sinh viên trả lời chưa từng được nghe, được đọc thì nhà trường cần coi lại các khâu công bố, thông báo của mình đã thực sự mở rộng chưa.

Với những sinh viên còn hạn chế về thành quả, thì việc nắm rõ chính sách ngôn ngữ thông qua hiểu biết chuẩn đầu ra là định hướng giúp sinh viên tự xây dựng mục tiêu tiếng Anh trong tương lai phù hợp với ngành nghề. Việc nhiều sinh viên nhận thức chính sách dẫn tới chính sách cũng phải được thay đổi thường xuyên để đáp ứng nhu cầu luôn thường xuyên thay đổi và nhà trường cần có các bước để sinh viên thực hiện theo chính sách đó. Khi sinh viên đã nhận thức rõ về chính sách và điều chỉnh hoạt động rèn luyện ngoại ngữ thông qua chính sách thì đòi hỏi chính sách ở diện hẹp (quy định của nhà trường) cũng phải được nghiên cứu thường xuyên, định kì nhằm đáp ứng được nhu cầu xã hội với quá trình xây dựng thành quả của người học.

Ngoài chính sách tiếng Anh được thể hiện thông qua các quy định về chuẩn đầu vào, đầu ra của nhà trường hay cơ cấu thông qua các giai đoạn đánh giá năng lực ngoại ngữ, hay các thông tin về sự tác động của TA như một tiêu chí nào đó, thì chính sách tiếng Anh còn thể hiện thông qua sự cởi mở và tạo điều kiện của nhà trường đối với các hoạt động ngoại khóa liên quan tới tiếng Anh.



Có tới 42,4% sinh viên không hề biết tới các hoạt động tiếng Anh ngoại khóa trong khi chúng tôi khảo sát về chính sách tiếng Anh thực tế lại cho thấy có khá nhiều các hoạt động ngoại khóa liên quan tới tiếng Anh được tổ chức tại trường. Như vậy, phải nhìn nhận một thực tế là số lượng các hoạt động học thuật ngoài lớp học chưa đi đôi với chất lượng của chính các hoạt động đó, các hoạt động trong phạm vi nhà trường tổ chức chưa thực sự thu hút được sự quan tâm, chú ý và tham gia của đa số sinh viên.

3.4. Nhận thức về thành quả và mục tiêu tiếng Anh trong tương lai

Thành quả tiếng Anh, dựa trên cơ sở động cơ, thái độ với tiếng Anh gồm hai mặt: sinh viên tự đánh giá về năng lực tiếng Anh của mình và sự đánh giá khách quan của các tổ chức giáo dục, đào tạo quốc tế uy tín. Nhận thức về thành quả chính là khả năng tự đánh giá của bản thân người học về những giá trị tri thức mà mình đang có trong suốt quá trình học. Với số lượng sinh viên sử dụng tiếng Anh ở mức trung bình và yếu chiếm tỉ lệ cao thì vấn đề đặt ra cho chúng ta là trong thời đại mà TA chiếm một vai trò quan trọng như vậy thì liệu với trình độ tiếng Anh còn hạn chế, sinh viên sẽ gặp khó khăn như thế nào? Và khi được hỏi: “Mức độ hài lòng với trình độ tiếng Anh hiện tại” kết quả thu được cho thấy đa số sinh viên tại khu vực điển cứu có thái độ không hài lòng đối với trình độ tiếng Anh hiện tại của mình chiếm tỉ lệ 49%, thái độ rất không hài lòng chiếm 27,2%, thái độ hài lòng, rất hài lòng chiếm tỉ lệ rất thấp lần lượt là 3,2% và 0,7%. Đồng thời, có 20% sinh viên có mức độ hài lòng bình thường đối với trình độ TA hiện tại.

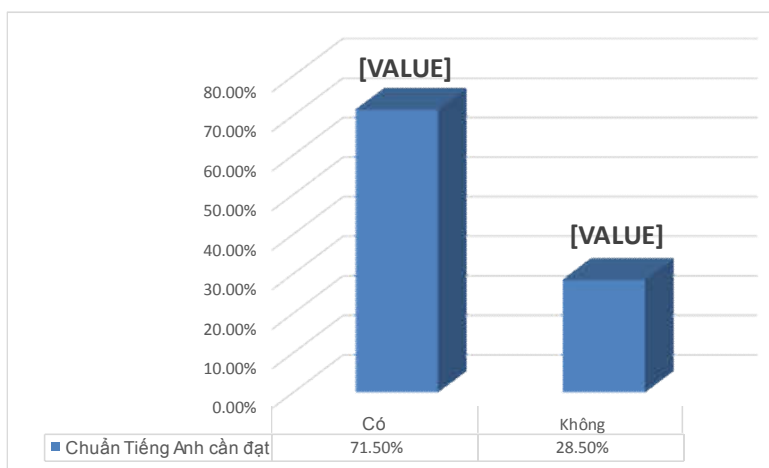
Trong thực tế, đa số sinh viên phải trải qua nhiều kỳ thi tuyển, ôn luyện mới đạt được chuẩn ngoại ngữ cần thiết. Ngay tại Trường ĐHSPTK TP.HCM và Trường CĐCT TP. HCM cũng vậy, các trường luôn tổ chức những kỳ thi khảo sát tiếng Anh đầu vào, đầu ra dành cho sinh viên và có những Trung tâm ngoại ngữ hỗ trợ sinh viên trong việc học tiếng Anh đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của nhà trường nhưng dường như sinh viên vẫn chưa thể sử dụng thành thạo tiếng Anh và rất vất vả để đạt được chuẩn này. Như vậy, mục tiêu thành quả đã được vạch ra rõ ràng cho việc xây dựng chiến lược học tập của sinh viên. Điều quan trọng là làm thế nào biến cái chưa hài lòng của sinh viên cộng hưởng cùng quy định đã được đề ra của nhà trường để trở thành một nhiệm vụ học tập cần hoàn thiện trong tương lai.

Dưới góc độ tâm lý, đa phần sinh viên không hài lòng về kết quả tiếng Anh của bản thân thường có tâm lý tự ti, e ngại khi sử dụng tiếng Anh, khiến ảnh hưởng đến mức độ thành thạo của họ trong giao tiếp thực tế. Sự thành thạo trong giao tiếp cũng là một biểu hiện quan trọng thể hiện sự hài lòng hay không về thành quả. Thông thường, SV có thành quả khách quan càng lớn (có kết quả cao trong các kỳ thi chứng chỉ IELTS, TOEIC...) càng có sự tự tin thoải mái và càng thể hiện sự thành thạo trong sử dụng, thì tỉ lệ hài lòng với thành quả càng cao. Xét ở ngữ cảnh sử dụng trong phạm vi hẹp với cảnh huống sử dụng là bạn bè đồng trang lứa trong môi trường lớp học, với trình độ đồng đều và

còn khá yếu kém về thành quả, vấn đề đặt ra là làm thế nào tạo được động lực thực hành ngoại ngữ mạnh mẽ từ chính những gì sinh viên không hài lòng đó, hay nói cách khác, hoạt động dạy học phải được xây dựng để biến những khiếm khuyết mà bản thân sinh viên tự nhận thức được trở thành động cơ để SV rèn luyện, hoàn thiện chính năng lực tiếng Anh của mình.

Theo kết quả khảo sát, sinh viên cũng đánh giá rất cao về những người có thành quả tiếng Anh như một thành quả ngoại ngữ. Có hơn một nửa đối tượng trong nhóm khảo sát (57,3%) cho rằng *“Những người nói nhiều thứ tiếng thì rất hiểu biết”*. Từ quan điểm này cho thấy, không ít sinh viên coi tiếng Anh là một trong những nhân tố thể hiện sự thông thái, uyên bác của người giỏi ngoại ngữ.

Dù sinh viên chưa có được những kết quả như mong muốn trong hiện tại nhưng kết quả khảo sát cho thấy đa số sinh viên nhận thức đúng đắn về kết quả trong tương lai và thể hiện quan điểm ấy thông qua chiến lược học tập.



Biểu đồ 3.3. Chuẩn tiếng Anh cần đạt của sinh viên

Có tới 83,7% số người được khảo sát đồng ý tiếng Anh là mục tiêu quan trọng trong cuộc sống cho thấy kết quả tiếng Anh không còn là một mục tiêu mang tính chất đặc biệt của một số đối tượng nhỏ nào đó mà trở thành mục tiêu chung, mang tính phổ biến, đại trà và việc đạt được kết quả không phải cho mục đích nổi trội cá nhân mà nhằm mục đích giúp bản thân không bị tụt hậu, đi sau trong xu hướng phát triển chung của xã hội. So với thế hệ trước đây trong bối cảnh sự giao lưu, hợp tác, thông thường có liên quan với yếu tố nước ngoài chưa nhiều, thì biết tiếng Anh là một thành quả mang tính chất đặc biệt. Còn ngày nay, trong xu thế hội nhập, toàn cầu hóa đang diễn ra vô cùng mạnh mẽ, thành quả này dần trở thành mục tiêu cơ bản. Nhận thức về tiếng Anh như một mục tiêu cơ bản là một cơ sở để người học bồi đắp thêm kỹ năng ngôn ngữ như một phương thức để hoàn thiện mình thành con người hiện đại. Điều này càng chứng tỏ sự thay đổi trong nhận thức, suy nghĩ của sinh viên về tầm quan trọng của ngôn ngữ phổ biến này. Xác định mục tiêu trong cuộc sống chính là để thực hiện mục tiêu trong hành động, xác lập kế hoạch, quy trình thực hiện. Người dạy cũng cần nghiên cứu kỹ những mục tiêu cụ thể để thiết kế chương trình học phù hợp.

Thứ ba, về đặc điểm thái độ ngôn ngữ, nhóm đối tượng khảo sát thể hiện mức độ nhận thức cao về ngoại ngữ mình đang học, nắm bắt chính sách ngôn ngữ kịp thời, hiểu rõ cảnh huống sử dụng, có mục tiêu học tập đúng đắn, đôi khi cầu toàn trên mức cần thiết khi chú trọng tới cả những yếu tố chuyên sâu trong khác biệt ngữ âm giữa các vùng miền sử dụng tiếng Anh - vốn không thực sự ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng tiếng Anh của họ trong thực tiễn.

4. Kết luận

Việc học tiếng Anh hiệu quả chỉ khi người dạy hiểu rõ người học. Đó chính là lí do chúng tôi thực hiện cuộc khảo sát toàn diện về nhận thức học tiếng Anh của sinh viên. Thông qua bài viết này,

chúng tôi cung cấp một cái nhìn tổng thể về các kết quả khảo sát để làm cơ sở nghiên cứu yếu tố nhận thức tác động tới thụ đắc ngôn ngữ.

Về đặc điểm thái độ ngôn ngữ, nhóm đối tượng khảo sát thể hiện mức độ nhận thức cao về ngoại ngữ mình đang học, nắm bắt chính sách ngôn ngữ kịp thời, hiểu rõ cảnh huống sử dụng, có mục tiêu học tập đúng đắn, đôi khi cầu toàn trên mức cần thiết khi chú trọng tới cả những yếu tố chuyên sâu trong khác biệt ngữ âm giữa các vùng miền sử dụng tiếng Anh - vốn không thực sự ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng tiếng Anh của họ trong thực tiễn.

Kết quả nghiên cứu trong bài viết này đã bộc lộ rõ những vướng mắc mà sinh viên có thể gặp phải trong quá trình tiếp xúc ngôn ngữ. Đó là họ nhận thức được vai trò quan trọng của tiếng Anh nhưng kết quả đạt được lại không cao. Rõ ràng, có sự không tương thích giữa thời gian, công sức bỏ ra và kết quả thu được, không tương thích giữa các kỹ năng sử dụng, không tương thích giữa số lượng và chất lượng các hoạt động thực hành tiếng Anh... Điều này vô hình trung sẽ tạo cho người học cảm thấy hoài nghi về việc sẽ đạt được những kết quả lâu dài trong tương lai. Yếu tố nhận thức về tiếng Anh của sinh viên như một thành phần của thái độ ngôn ngữ mà chúng tôi đã khảo sát cũng cần được coi là kênh thông tin tham khảo có giá trị vì nhận thức đó cũng biểu hiện một phần thái độ của sinh viên trong việc thụ đắc tiếng Anh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brown, J. D & Rodgers, T.S. (2002), *Doing second language research*. Oxford: Oxford University Press.
2. Gardner, R. (1985), *Social psychology and second language learning: the role of attitude and motivation*. London: Edward Arnold.
3. Gardner, R. (2000), 'Correlation, causation, motivation and second language acquisition'. *Canadian Psychology*, 41, pp.10-24.
4. Gardner, R. (2006), The socio-educational model of second language acquisition: a research paradigm. *EUROSLA Yearbook*, 6, pp.237-260.
5. Gardner R.C. & Tremblay, P.F. (1995), 'On motivation, research agendas, and theoretical frameworks'. *The Modern Language Journal*, 78, pp.359-368.

Cognitive component of language attitude towards learning English of non-English majors in Ho Chi Minh City

Abstract: This paper outlines the results of a survey which was conducted, to identify technical and economical students' cognition towards learning the English language. The study sample consisted of 2000 non-English major students at Ho Chi Minh City University of Technical Education and Ho Chi Minh City Industry and Trade College. A questionnaire was used for data collection. The findings showed that the students are aware of the role of English, English learning, English rules, English language achievements and goals in the future.

Key words: cognitive component; English; language attitude; learning English; non-English majors.